TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2019
"V/v tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Đỗ Duy Hừng**
2. Ông **Nguyễn Văn Tám**
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Âu Thị Thảo** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang*** *không tham gia phiên toà.*
Ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 về "tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Cẩm H** sinh năm: 1980
Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang
2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn Tấn T** sinh năm: 1976
Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 01 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Cẩm H trình bày: Chị và anh Huỳnh Văn Tấn T tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2001, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T có quan hệ tình cảm với người khác nên chị và anh T đã sống ly thân với nhau từ đó đến nay không có hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Hoàng D, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2003 và Huỳnh Thảo V, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2012 hiện đang sống với anh T; ly hôn chị yêu cầu nuôi con lớn là Huỳnh Hoàng D để anh T nuôi con nhỏ là Huỳnh Thảo V, không ai

phải cấp dưỡng nuôi con đối với nhau. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tự khai đề ngày 18 tháng 4 năm 2019 bị đơn là anh Huỳnh Văn Tấn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Cẩm H xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2001, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên anh và chị H không còn chung sống với nhau từ đó đến nay không có hàn gắn tình cảm. Nay chị H xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung: có 02 con chung như chị H trình bày, nay anh đồng ý về yêu cầu nuôi con chung của chị H, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm H và anh Huỳnh Văn Tấn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001. Trong quá trình chung sống chị H và anh T đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như anh chị trình bày nên chị H yêu cầu ly hôn, anh T cũng đồng ý. Xét thấy chị H và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang. Tuy chị H và anh T có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm theo quy định tại điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh T không được pháp luật thừa nhận nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh T là phù hợp điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung tên Huỳnh Hoàng D, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2003 và Huỳnh Thảo V, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2012 hiện đang sống với anh T. Tại phiên tòa chị H và anh T thỏa thuận để chị H nuôi con lớn là Huỳnh Hoàng D, để anh T nuôi con nhỏ là Huỳnh Thảo V, không ai phải cấp dưỡng nuôi con đối với nhau. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu D mong muốn được sống với chị H, cháu V mong muốn được sống với anh T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Cẩm H và anh Huỳnh Văn Tấn T.

2. Về nuôi con chung:

- Giao chị H nuôi 01 con chung tên Huỳnh Hoàng D, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2003.

- Giao anh Tài nuôi 01 con chung tên Huỳnh Thảo V, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2012.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị H và anh T do anh chị không yêu cầu.

- Chị H, anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nếu chị H, anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với anh nhau.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 10111 ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CD; chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ